

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **118 /2022/HNGĐ-ST**

Ngày: **28 /12/2022.**

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Em

Ông Nguyễn Tổng Nê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 431/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Trúc L, sinh năm 1996;

Địa chỉ: ấp M, xã M, Huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1994;

Địa chỉ: E, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Chị L yêu cầu xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2022, bản tự khai và đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, chị L có lời trình bày như sau:

Chị L và anh Lê Văn B tự nguyện kết hôn vào năm 2019 và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng chị không hạnh phúc, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị thường xuyên cự cãi; Chị L cũng đã nhiều lần cố gắng

hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 10 năm 2020, chị L về nhà mẹ ruột sinh sống. Cũng từ thời gian này chị và anh B sống ly thân. Trong thời gian ly thân, anh B không có xuống thăm chị và con. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh B không còn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B, không yêu cầu anh B cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: 01 con tên Lê Quang V, sinh ngày 20/8/2019. Hiện cháu V đang sinh sống cùng chị L. Chị L yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L khai không có.

Về nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn B trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh B đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về tố tụng: anh B đã được triệu tập họp lệ đến Tòa án tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Chị L có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn trong đơn khởi kiện cũng như tại bản tự khai, những chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân của chị L, anh B về đời sống chung đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L. Về con chung: giao con chung cho chị L nuôi, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung: chị L khai không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong B sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Anh Trần Văn B là bị đơn trong vụ án. Anh B đã được triệu tập họp lệ đến Tòa án tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B, chị L.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị Đoàn Thị Trúc L và anh Trần Văn B tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/3/2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh B phát sinh mâu thuẫn, chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh B; không yêu cầu anh B cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng chị L, anh B hàn gắn tình cảm thì anh B vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh B đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ.

Mặt khác, theo xác minh của Tòa án thể hiện giữa chị L và anh B đã có những mâu thuẫn phát sinh. Chị L và anh B đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân chị L và anh không có liên lạc hay quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, mạnh ai người đó sống. Qua đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh B là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh B có 01 con chung tên Trần Quang V, sinh ngày 20/8/2019. Xét thấy cháu V hiện nay đang sống cùng chị L, có cuộc sống sinh hoạt ổn định. Bản thân chị L có thu nhập ổn định, có nguyện vọng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử giao cháu V cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, khai không có nên Tòa án không xét đến.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng chị L phải nộp.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Trúc L được ly hôn với anh Lê Văn B.

Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi L hôn.

Quan hệ hôn nhân của chị L, anh B chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Đoàn Thị Trúc L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Quang V, sinh ngày 20/8/2019. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Chị Đoàn Thị Trúc L trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có nên Tòa án không xét đến.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Đoàn Thị Trúc L phải nộp là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0010468 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị Đoàn Thị Trúc L đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H, H.C
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Hữu Định, H. Châu Thành
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết

